

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số 420 /TB-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Đồng Đăng,

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I
A	B	1	2
I	TỔNG SỐ THU	217.597.000	94.741.000
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	28.550.000	17.412.000
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	8.540.000	4.516.000
3	Thu bổ sung	182.439.000	51.737.000
	- Thu bổ sung cân đối	179.630.000	45.000.000
	- Thu bổ sung có mục tiêu	2.809.000	6.737.000
4	Thu chuyển nguồn	-	21.076.000
II	TỔNG SỐ CHI	217.597.000	35.306.000
1	Chi đầu tư phát triển	7.884.000,000	-
2	Chi thường xuyên	209.713.000	35.306.000
3	Dự phòng		

3/CK TC-NSNN

)

ơn vị: 1000 đồng

SO SÁNH (%)
3=2/1
43,54
60,99
52,88
28,36
25,05
239,84
16,23
16,84

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số 420/TB-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Đồng Đăng)

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
a	B	1	2	3	4
	TỔNG THU	214.197.000	217.597.000	94.741.000	94.741.000
A	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	33.690.000	37.090.000	21.928.000	21.928.000
I	Các khoản thu 100%	25.150.000	28.550.000	17.412.000	17.412.000
	- Thuế GTGT	9.000.000	12.400.000	9.693.000	9.693.000
	- Thuế TNDN	500.000	500.000	2.368.000	2.368.000
	- Thuế tài nguyên	950.000	950.000	495.000	495.000
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	200.000	200.000	55.000	55.000
	- Lệ phí trước bạ	9.500.000	9.500.000	3.338.000	3.338.000
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	500.000	500.000	1.000	1.000
	- Thuế thu nhập cá nhân	3.300.000	3.300.000	1.261.000	1.261.000
	- Thu phí, lệ phí	1.200.000	1.200.000	201.000	201.000
	Trong đó: phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	250.000	250.000	150.000	150.000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	8.540.000	8.540.000	4.516.000	4.516.000
1	Các khoản thu phân chia	7.040.000	7.040.000	4.451.000	4.451.000
	Thu tiền sử dụng đất	7.040.000	7.040.000	4.451.000	4.451.000
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	1.500.000	1.500.000	65.000	65.000
	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước			7.000	7.000
	Thu khác	1.500.000	1.500.000	58.000	58.000
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)				
B	Thu chuyển nguồn			21.076.000	21.076.000
C	Thu kết dư ngân sách năm trước			0	0
D	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	182.439.000	182.439.000	51.737.000	51.737.000
	- Bổ sung cân đối ngân sách	179.630.000	179.630.000	45.000.000	45.000.000
	- Bổ sung có mục tiêu	2.809.000	2.809.000	6.737.000	6.737.000

Đơn vị: 1000 đồng

SO SÁNH (%)	
THU NSNN	THU NSX
5 = 3/1	6 = 4/2
44,23	43,54
65,09	59,12
69,23	60,99
107,70	78,17
473,60	473,60
52,11	52,11
27,50	27,50
35,14	35,14
0,20	0,20
38,21	38,21
16,75	16,75
60,00	60,00
52,88	52,88
63,22	63,22
63,22	63,22
4,33	4,33
3,87	3,87
28,36	28,36
25,05	25,05
239,84	239,84

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số 420 /TB-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Đồng Đăng)

STT	Nội dung	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I		
		Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	B	1	2	3	4	5	6
	TỔNG CHI	217.597.000	7.884.000	209.713.000	35.306.000	0	35.306.000
	<i>Trong đó:</i>						
1	Chi cho an ninh, quốc phòng	5.889.000		5.889.000	1.097.000		1.097.000
2	Chi giáo dục	110.719.000		110.719.000	24.169.000		24.169.000
3	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0		0	0		
4	Chi y tế	5.178.000		5.178.000	1.098.000		1.098.000
5	Chi văn hoá, thông tin	240.000		240.000	0		
6	Chi phát thanh, truyền hình	0		0	0		
7	Chi thể dục, thể thao	60.000		60.000	0		
8	Chi bảo vệ môi trường	9.700.000		9.700.000	0		
9	Chi các hoạt động kinh tế	12.176.000		12.176.000	517.000		517.000
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	29.450.000		29.450.000	6.102.000		6.102.000
11	Chi cho công tác xã hội	8.422.000		8.422.000	2.323.000		2.323.000
12	Chi khác	22.870.000		22.870.000	0		
13	Dự phòng	4.228.000		4.228.000	0		
14	Chi hỗ trợ thi đua khen thưởng	781.000		781.000	0		

Đơn vị: 1.000 đồng

SO SÁNH QT/DT (%)		
Tổng số	ĐTPT	TX
7=4/1	8=5/2	9=6/3
16,23		16,84
18,63		18,63
21,83		21,83
21,21		21,21
0,00		0,00
0,00		0,00
0,00		0,00
4,25		4,25
20,72		20,72
27,58		27,58
0,00		0,00
0,00		0,00
0,00		0,00